CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Vải sợi May mặc Miền Bắc

Ngày 30/09/2025	30,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.7%	**10.7%**	**10.7%**

DT thuần
Q3/25
5.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.17| 3.3%
YoY: ▼0.20| -3.4%

LN thuần
Q3/25
1.61
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.41| -20.3%
YoY: ▲ 0.58| 56.2%

LN sau thuế
Q3/25
1.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.23| -78.5%
YoY: ▲ 0.46| 67.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
27.3%
YoY: +/-▼ 100%

ROE (TTM)
Q3/25
6.6%
YoY: +/-▲ 0.4%

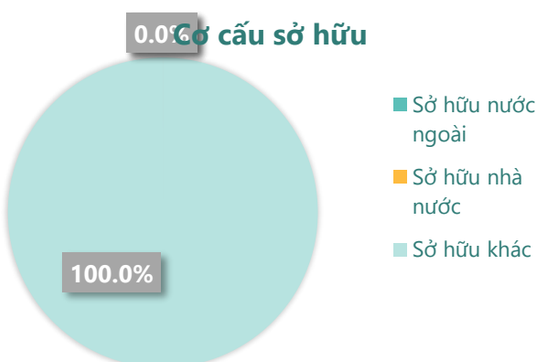
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	27,100 - 30,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	171
Số lượng CPLH (CP)	5,702,940
KLGD BQ 20 phiên (CP)	80
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.02
EPS	1,338
P/E	22.4

DT thuần
9T 2025
17.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.50| -3.1%

LN thuần
9T 2025
4.18
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.20| 5.0%

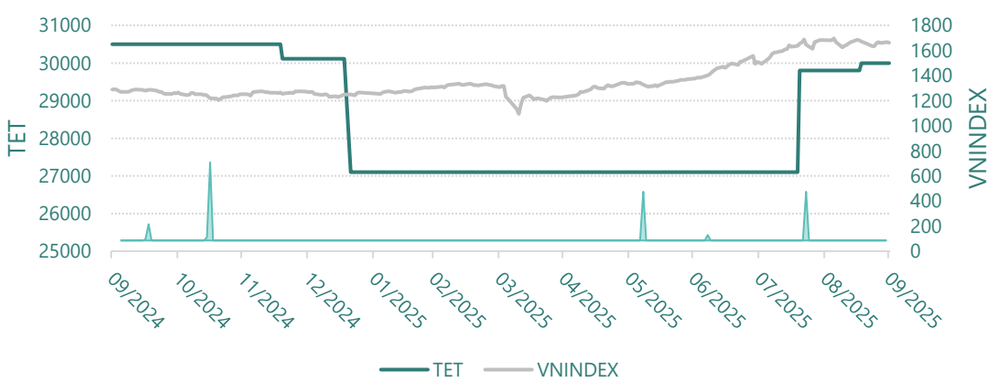
LN sau thuế
9T 2025
6.85
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.71| 65.5%

Cơ cấu sở hữu

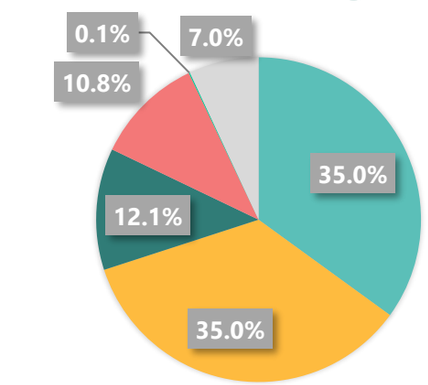


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



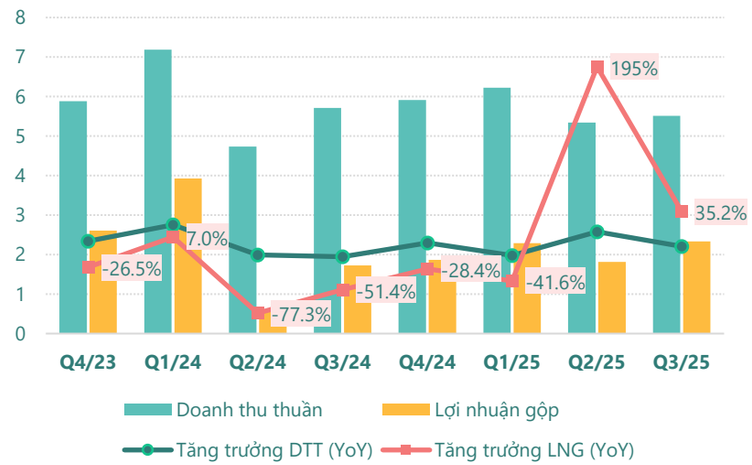
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

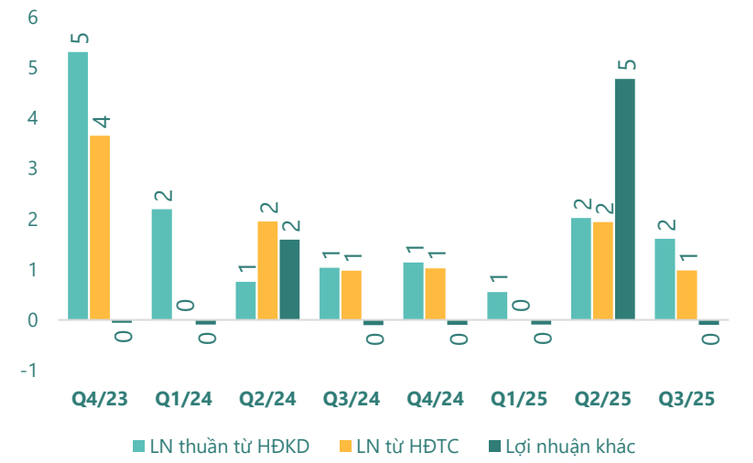
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



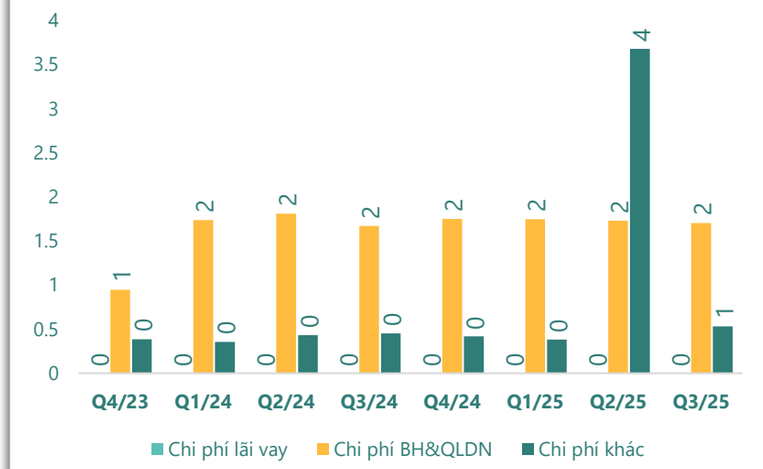
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



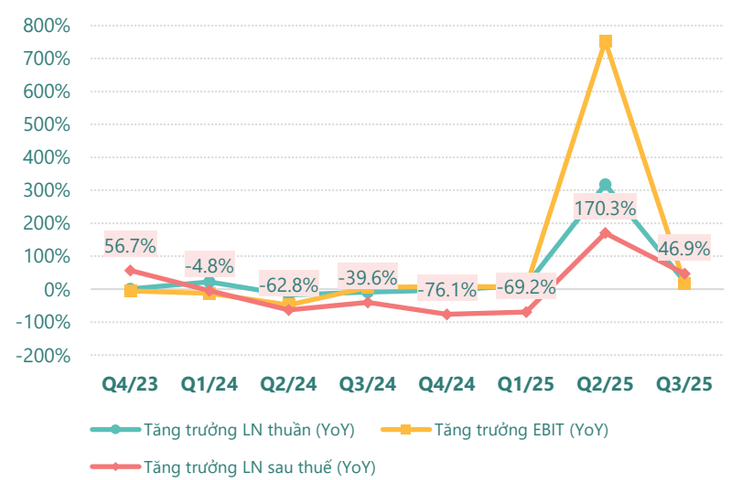
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



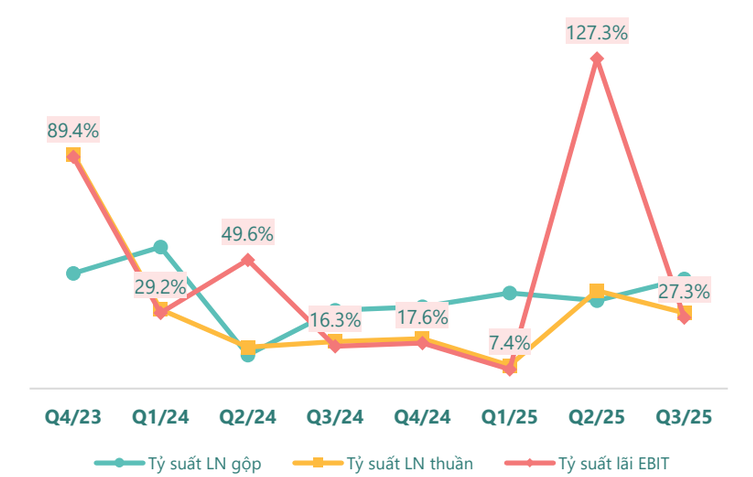
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



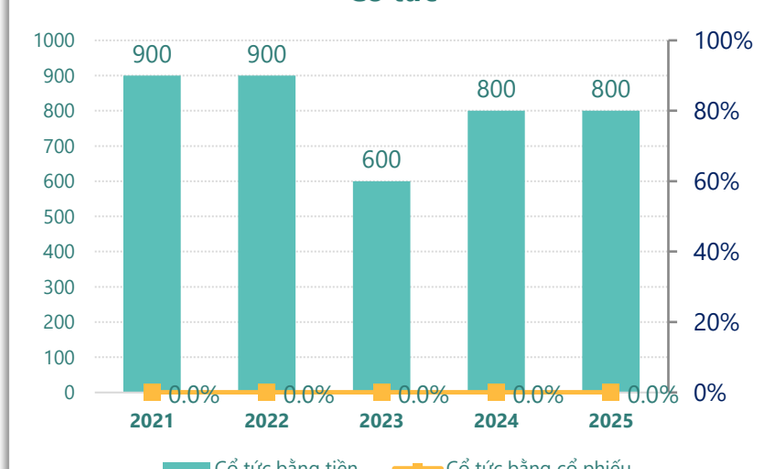
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

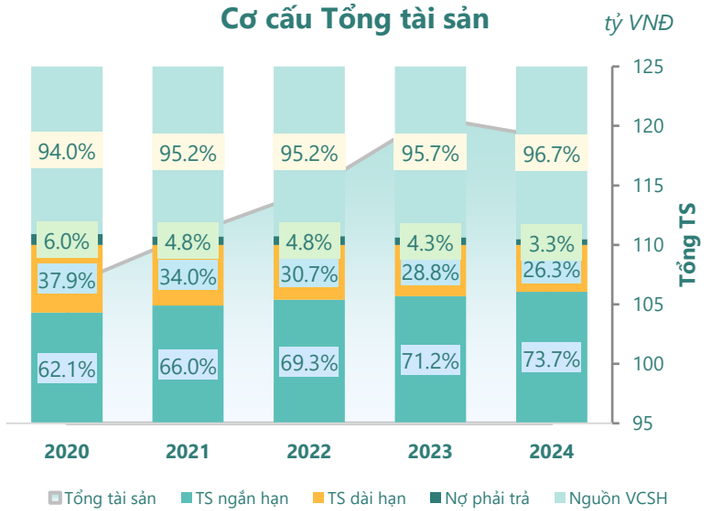
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

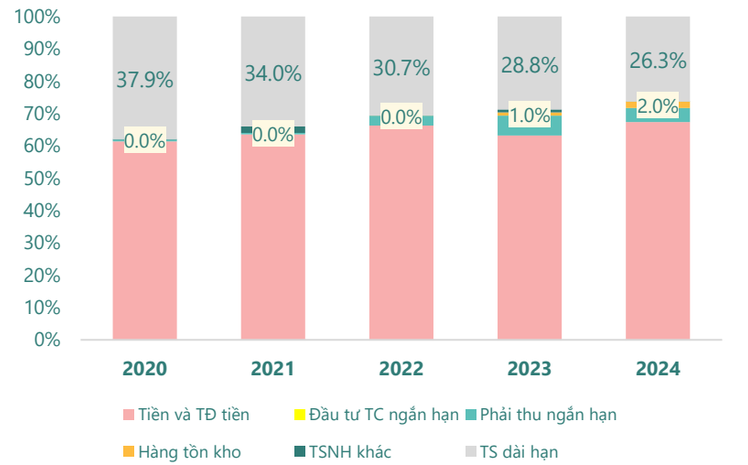
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



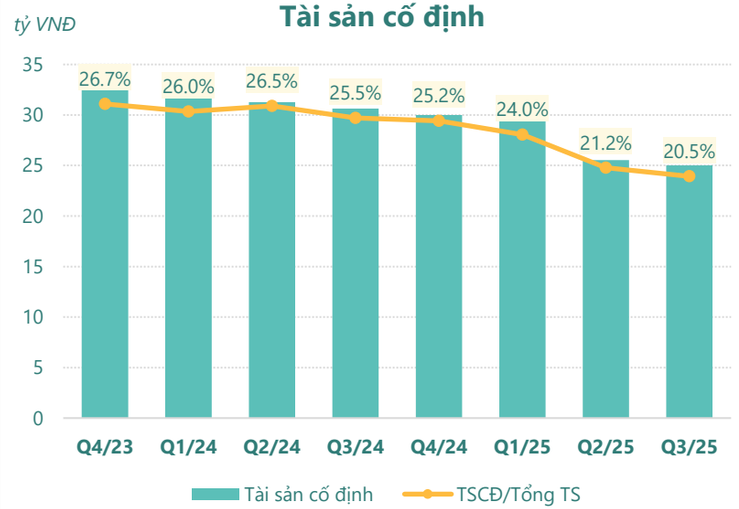
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



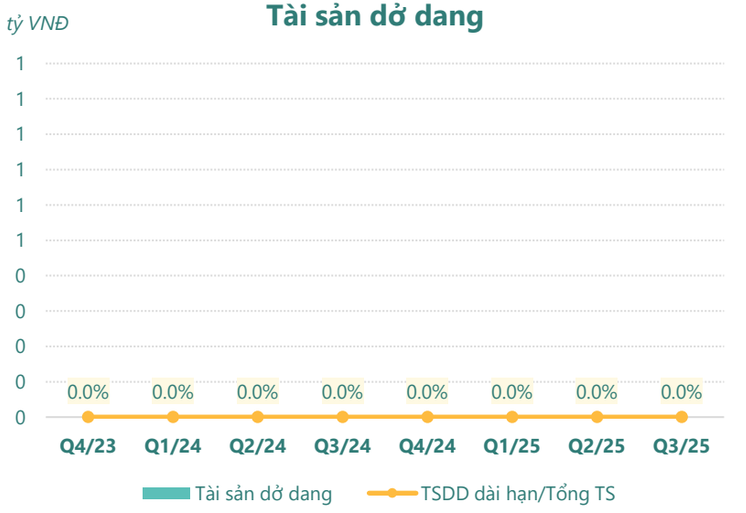
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



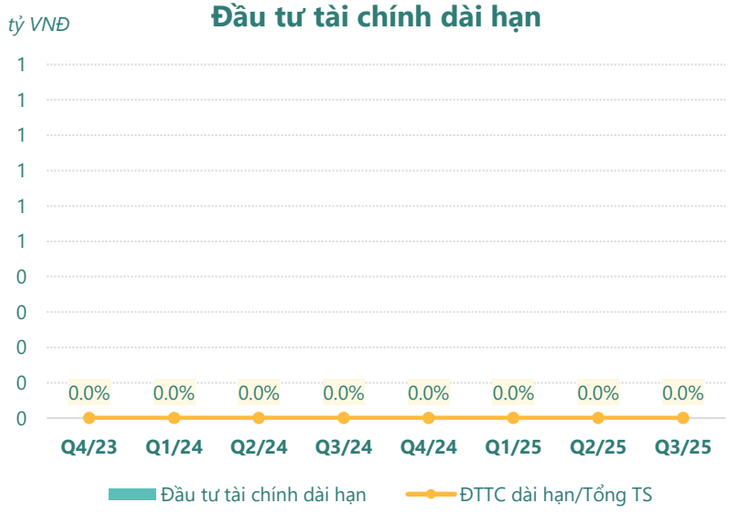
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



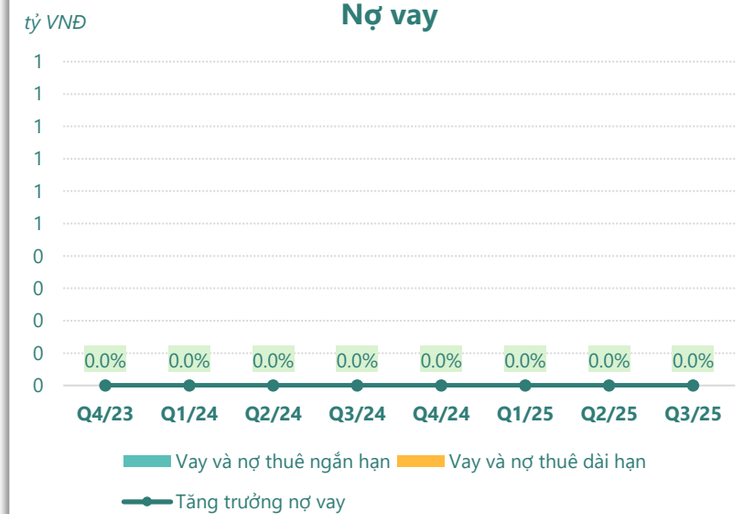
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

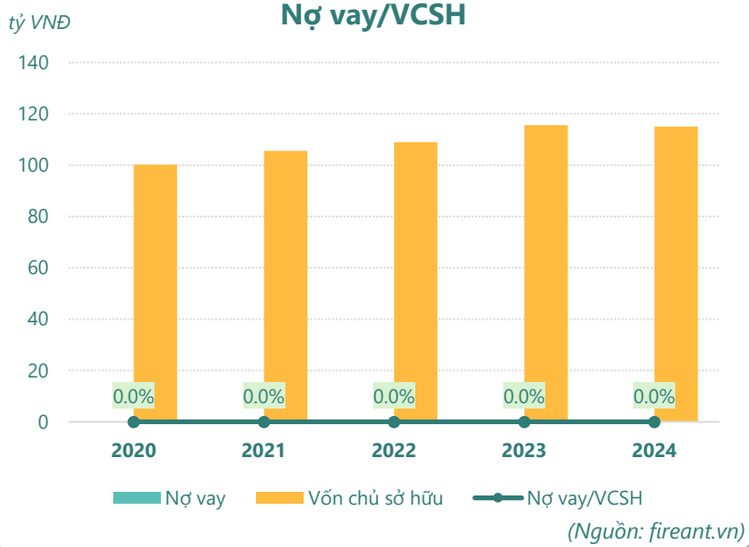
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

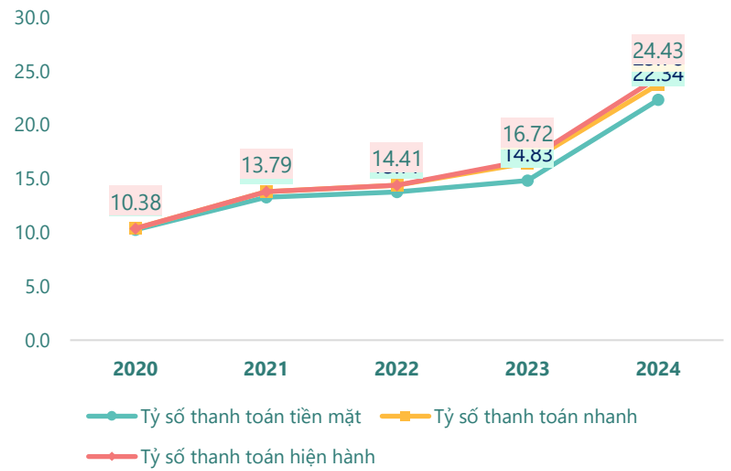
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



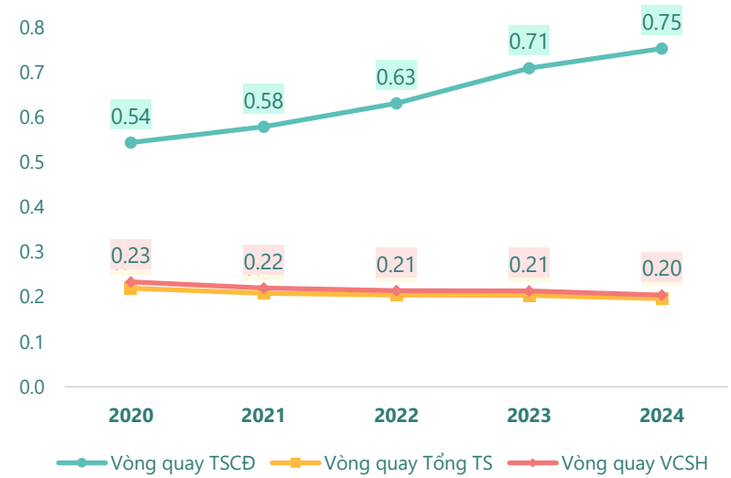
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



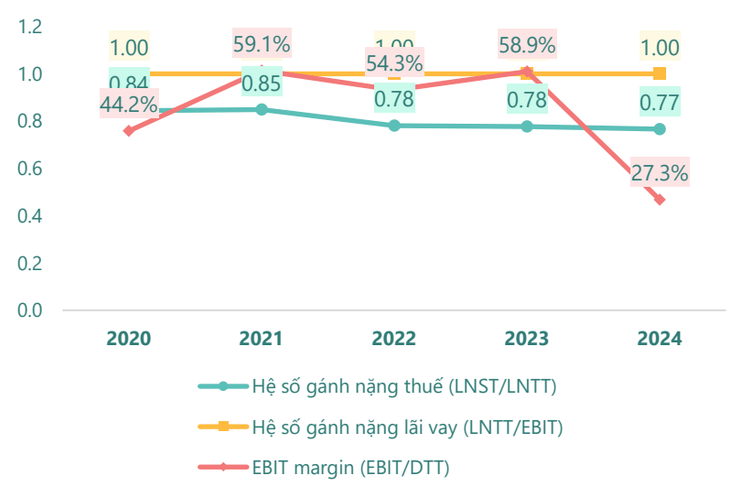
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



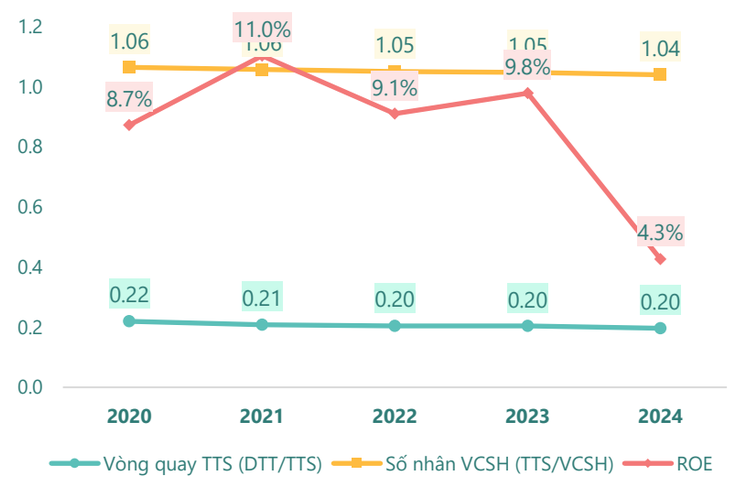
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



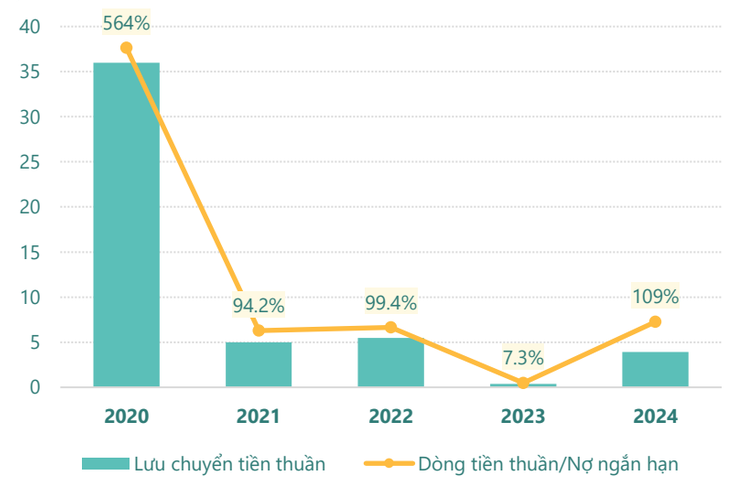
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5.51**	**5.71**	**-3.4%**	**17.1**	**17.6**	**-3.1%**
Giá vốn hàng bán	3.18	3.99	-20.3%	10.6	11.4	-6.4%
Lợi nhuận gộp	2.33	1.73	34.9%	6.44	6.26	2.8%
Doanh thu HĐTC	0.98	0.98	0.0%	2.93	2.94	-0.5%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.70**	**1.67**	**2.0%**	**5.18**	**5.22**	**-0.7%**
LN thuần từ HĐKD	1.61	1.03	56.2%	4.18	3.98	5.0%
Lợi nhuận khác	**-0.10**	**-0.10**	**-1.4%**	**4.59**	**1.40**	**229%**
LN trước thuế	1.51	0.93	62.1%	8.77	5.38	63.1%
Lợi nhuận sau thuế	**1.15**	**0.69**	**67.4%**	**6.85**	**4.14**	**65.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.15**	**0.69**	**67.4%**	**6.85**	**4.14**	**65.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.50	3.74	-1.75	7.07	-6.02	3.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.07	-0.01	55.1	-55.0	3.89	0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.56	0	0	0	-4.56	0.00
Tiền đầu kỳ	27.1	23.1	26.8	80.2	32.2	25.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.99**	**3.73**	**53.3**	**-47.9**	**-6.70**	**3.25**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	23.1	26.8	80.2	32.2	25.5	28.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**122**	**119**	**2.5%**
Tài sản ngắn hạn	96.0	87.7	9.5%
Tiền và tương đương tiền	28.8	80.2	-64.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	62.7	5.12	1125%
Hàng tồn kho	3.98	2.35	69.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.55	0.04	1317%
Tài sản dài hạn	**26.0**	**31.3**	**-17.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	25.0	30.0	-16.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.97**	**1.32**	**-26.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5.15	3.95	30.5%
Nợ ngắn hạn	**4.79**	**3.59**	**33.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.01	0.01	-25.2%
Nợ dài hạn	0.36	0.36	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**117**	**115**	**1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**117**	**115**	**1.6%**
Vốn điều lệ	57.0	57.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)